

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ghên;

2. Ông Lý Văn Hùng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1149/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Bích C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

(Chị G, anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị G và anh C cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Chị G đã ly thân anh C từ tháng 6 năm 2012 đến nay. Nay chị G khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bích C.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/7/2005, hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu nếu con chung theo ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Bích C trình bày: Tại bản tự khai ngày 17/11/2017, anh C có ý kiến trình bày thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị G đã trình bày. Con chung có một con tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/7/2005, hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn, nếu cháu H có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung thống nhất không có.

Tại phiên tòa, xét cả chị G và anh C đều bận làm công nhân nên có đề nghị xử vắng mặt. Trước đề nghị của chị G và anh C, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bích C, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*[2]. Về tố tụng:* Xét chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Bích C đều có đề nghị xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

*[3]. Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An vào ngày 23/8/2004 nên hôn nhân giữa chị G và anh C là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Xét yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh C: Chị G cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau. Căn cứ bản tự khai ngày 17/11/2017, thì anh C thừa nhận lời trình bày của chị G về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn gia đình, vợ chồng có thường xuyên cãi nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị G xin ly hôn, anh C thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Từ đó, HĐXX xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc thuận tình ly hôn giữa chị G và anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, do chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Bích C vắng mặt không tham gia hòa giải, chỉ cung cấp ý kiến trình bày nên HĐXX không có căn cứ công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn mà giải quyết cho chị Nguyễn Thị G

và anh Nguyễn Bích C được ly hôn theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị G và anh C đều thống nhất có một con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/7/2005, hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G và anh C thống nhất trình bày tôn trọng nguyện vọng của con chung. Xét theo nguyện vọng của con chung tại bản tự khai ngày 24/11/2017 thì cháu Nguyễn Ngọc H có nguyện vọng được sống với chị G. Do đó, HĐXX thấy anh C đồng ý để chị G tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc H là đúng nguyện vọng của con, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 24/11/2017, chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng, anh Nguyễn Bích C có ý kiến thống nhất không cấp dưỡng. HĐXX xét việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Bích C xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G với anh Nguyễn Bích C.

Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Bích C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị G được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/7/2005, hiện con chung Nguyễn Ngọc H đang sống với chị G.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Bích C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc H vì chị Nguyễn Thị G không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Bích C xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0001712 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Nguyễn Thị G đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ (đề biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Khắc Linh Duy**

**Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Lin – La Văn Việt**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**

**Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Đồi – Trương Thị Kim Tiến**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**









